

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng năm 2024 do Sở Giao thông vận tải Thái Nguyên quản lý.

### GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-SGTVT ngày 19/02/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố công khai danh mục công trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình sử dụng nguồn sự nghiệp giao thông năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2024 do Sở Giao thông vận tải Thái Nguyên quản lý như sau:

- Số danh mục công trình công khai điều chỉnh: 14 công trình.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

- Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở GTVT.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính và các phòng nghiệp vụ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Sở GTVT;
- Phòng QLKCHTGT;
- Lưu : VT, KHTC.

(Thaotth/T9/2024)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Anh

**Phụ lục**  
**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH BẢO TRÌ**  
**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG NĂM 2024 DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**THÁI NGUYÊN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày /9/2024 của Sở Giao thông vận tải)

STT	Hạng mục công trình	Kinh phí đã công khai (Triệu đồng)	Kinh phí công khai điều chỉnh, bổ sung ( Triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Nguồn sự nghiệp giao thông</b>		
1	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh ĐT.261, ĐT.261C, ĐT.261D, ĐT.261E, ĐT.262, ĐT.263, ĐT.263B, ĐT.263C, ĐT.264, ĐT.264B, ĐT.265, ĐT.266, ĐT.267, ĐT.269B, ĐT.269C, ĐT.269D, ĐT.269E, ĐT.270, ĐT.271, ĐT.274 và Quản lý, bảo trì hạ tầng các tuyến xe buýt tỉnh Thái Nguyên	20.277,5	20.277,5
2	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường vành đai V	441,5	441,5
3	Quản lý, bảo dưỡng hệ thống phao tiêu, biển báo hiệu đường thủy Hồ Núi Cốc	857	857
4	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề đoạn Km27+200 - Km28+800 và xử lý điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông tại cầu Bến Đầm Km37+800 ĐT.261	7.900	6.440
5	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh dọc và gia cố lề đoạn Km17+788 - Km19+030 ĐT.263 và sửa chữa mặt đường Km10+490 - Km10+600 ĐT.269C	5.848	5.185
6	Sửa chữa nền, mặt đường và gia cố lề đoạn Km15+320 - Km16+260; xây rãnh dọc, lấp bổ sung tám đoạn km15+320 - km15+720; sửa chữa các công Km0+730 và km8+600 ĐT.265	9.000	8.524
7	Sửa chữa mặt đường đoạn Km0 -Km0+300 và sửa chữa rãnh dọc đoạn Km8+050 - Km9+200; Km10+00 - Km10+300 ĐT.267	7.676	6.135
8	Sửa chữa cải tạo trần Cầu Mai Km12+870 và trần Đồng Bura Km21+730 ĐT.269D	8.000	7.029
9	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km12+500- Km15 ĐT.263B, sửa chữa cống Km0+380 ĐT.270	0	4.365
10	Sửa chữa, thay thế, bổ sung báo hiệu đường thủy nội địa Hồ Núi Cốc	0	1.300

STT	Hạng mục công trình	Kinh phí đã công khai (Triệu đồng)	Kinh phí công khai điều chỉnh, bổ sung ( Triệu đồng)
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu</b>		
1	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh dọc và gia cố lề đường đoạn Km1+00 - Km1+300; Km1+700 - Km4+241 ĐT.262	14.317	14.317
2	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh dọc Km2+970 - Km3+135; xử lý sạt lở ta luy âm Km2+986 - Km3+040; sửa chữa cống Km13+106 và tràn liên hợp Km13+200; bổ sung tấm bản đập rãnh dọc từ Km7+460 - Km7+650 ĐT.263	8.900	8.900
3	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh dọc và gia cố lề đoạn Km0+580 - Km1+050; Km9+050 - Km10+300 ĐT.269B	14.950	14.950
4	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh dọc và gia cố lề đoạn Km8+700 - Km9+322 ĐT.261D	6.596	6.596